

QUYẾT ĐỊNH

Thông báo công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; Công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động dân chủ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Thông tư Số: 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch giáo dục nhà trường số 345/KH-THCS ngày 16/9/2024 năm học của trường THCS Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Công bố công khai trước cán bộ giáo viên nhân viên, học sinh, CMHS về 2 nội dung sau:

1. Công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;
2. Công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
(Có biểu mẫu đính kèm);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(để b/c);
- Nơi điều 1,2,3
- Lưu PY.



HIỆU TRƯỞNG

Trương Tú Phương

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; Công khai tài
chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC

Hôm nay vào lúc...17 giờ ...5' ngày...23 tháng...01 năm...2025

Tại: Văn phòng trường THCS Phú Yên

Ông (bà): Trương Tú Phương – Hiệu trưởng THCS Phú Yên.

Ông (bà): Hoàng Thị Thu Hương – Phó Hiệu trưởng

Ông (bà): Nguyễn Hữu Tuấn – Thư ký Hội đồng.

Ông (bà): Nguyễn Thị Mai Hoa – CTCD.

Ông (bà): Nguyễn Thị Yên – Thanh tra nhân dân

Có sự chứng kiến của: Các đồng chí CB, giáo viên, nhân viên trong nhà trường

Lập biên bản về việc niêm yết công khai những nội dung sau:

1. Công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;
2. Công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC

Thời gian niêm yết: 15 ngày tại văn phòng nhà trường từ ngày 23/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025

Biên bản được lập thành 02 bản, văn thư giữ 01 bản, 01 bản lưu tại Hồ sơ của nhà trường./.

THƯ KÝ



Nguyễn Hữu Tuấn

CHỦ TỊCH CD



Nguyễn Thị Mai Hoa

HIỆU TRƯỞNG



Trương Tú Phương

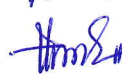
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

 Trương Thị Ngọc Anh

 Nguyễn Thị Yên

 Trần Thị Hồng

 Chu Thị Thanh Vân

 Nguyễn Thị Lan Phương

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo)*

UBND HUYỆN PHÚ XUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THCS

Phú Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN- Dịp Sơ kết học kỳ I

Năm học 2024 - 2025

THÔNG TIN CHUNG²

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

⁽² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.)

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

⁽² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.)

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường trung học cơ sở Phú Yên.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Phú Xuyên.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Trường THCS Phú Yên nằm trên địa bàn thôn Giế Hạ, xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Tiền thân là trường cấp II sư phạm (gồm cấp I, II) xã Phú Yên, được thành lập năm 1969. Năm 1992 đến nay trường mang tên trường THCS Phú Yên.

+ Điện thoại: 0375. 545. 806

+ Địa chỉ thư điện tử: [http: c2phuyen-px@hanoiedu.vn](mailto:c2phuyen-px@hanoiedu.vn)

+ Cổng thông tin điện tử: <http://thcsphuyen.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu;

+ Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

+ Tổ chức quản lý trực tiếp: UBND huyện Phú Xuyên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, chăm sóc để phát huy phẩm chất, năng lực riêng.

Chấp cánh cho ước mơ vươn cao của các thế hệ học trò, phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Là nơi gieo những hạt giống tri thức để cho thế hệ trẻ phát triển thành những con ngoan - trò giỏi, thành những bậc tài danh, thành những chủ nhân tương lai của đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Trường THCS Phú Yên là một trường chuẩn mực và năng động, lành mạnh, nơi học sinh, cán bộ, giáo viên, công nhân viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao giá trị bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Là một trong những trường có bề dày truyền thống về chất lượng giáo dục ổn định, đạt chuẩn xanh-sạch-đẹp-an toàn. Nhà trường là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục cao trong huyện. Đây là cơ sở thuận lợi để nhà trường có định hướng trong việc xây dựng nhà trường thành đơn vị giáo dục xuất sắc.

Trong giai đoạn 2023 - 2028 duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; dần từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục để được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (mức độ 3), đến năm 2028 trở thành trường điển hình về chất lượng toàn diện của khối THCS trong huyện Phú Xuyên.

4.3. Mục tiêu giáo dục: Đào tạo học sinh đạt được các tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phẩm chất theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4.4. Hệ thống giá trị cốt lõi

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| - Dân chủ và kỷ cương | - Khát vọng và cống hiến |
| - Chân thành và đoàn kết | - Ý thức và trách nhiệm |
| - Thẳng thắn và trung thực | - Đổi mới và sáng tạo |
| - Yêu thương và thân thiện | - Hợp tác và phát triển |

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường được thành lập năm 1969 khi đó tên trường được đặt là: Trường cấp II Phú Yên, ban đầu trường có 3 lớp gồm 02 lớp năm và 01 lớp 6 với khoảng trên 130 học sinh. Giáo viên giảng dạy của trường được điều động từ trường cấp II Vân Từ. Hiệu trưởng đầu tiên của trường là thầy Nguyễn Xuân Vũ.

Năm 1976 Ngành giáo dục thực hiện cải cách, khi đó trường cấp I và trường cấp II Phú Yên được sáp nhập lấy tên là trường cấp I - II xã Phú Yên, khi đó trường có 8 lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 8.

Đến năm 1992 trường Phổ thông cơ sở cấp I – II Phú Yên được tách ra làm 2 trường đó là:

Trường trung học cơ sở Phú Yên

Trường tiểu học Phú Yên

Từ 01/8/2008, trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện Phú Xuân, thành phố Hà Nội.

Hiện nay trường đóng trên địa bàn thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên, huyện Phú Xuân, Thành phố Hà Nội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

+ Họ và tên, chức vụ: Trương Tú Phương – Hiệu trưởng

+ Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên, huyện Phú Xuân, thành phố Hà Nội.

+ Số điện thoại: 0916.235.215

+ Địa chỉ thư điện tử: Tuphuong74@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (không có);

b). Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường được thành lập hoặc kiện toàn theo đúng quy định tại Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường THCS Phú Yên nhiệm kỳ 2023 - 2028 được kiện toàn theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND huyện Phú Xuân với 9 thành viên gồm có đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, đại diện Công đoàn, Tổng phụ trách Đội, đại diện các tổ chuyên môn, văn phòng do đồng chí Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng

Danh sách Hội đồng trường từ năm 2023 đến năm 2028

1. Bà Trương Tú Phương - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng

2. Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Thư ký hội đồng trường

3. Bà Trần Thị Ngọc - Phó Chủ tịch UBND xã

4. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Chủ tịch Công đoàn

5. Bà Nguyễn Thị Yên - Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

6. Bà Nguyễn Thị Thanh - Tổ trưởng tổ KHTN

7. Bà Chu thị Thanh Vân - Tổ trưởng tổ KHKH

8. Ông Cao Minh Đức Thuyên - Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh

9. Em Nguyễn Thị Yến Nhi - Học sinh lớp 9A1

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;

Cơ cấu tổ chức trường trung học gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

* Tổ chức và quản lý: Cơ cấu tổ chức trường trung học gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; Thực hiện tại Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (không có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Các văn bản trên được đăng tải trên trang Web của trường: <http://thcsphuyen.edu.vn>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³ (³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	Đ	H	C	D	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34	0	03	26	02	03		13	11					
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	22													
1	Toán	3		1	2				1	2		3			
2	Lý	1			1				1				1		
3	Hóa	1			1					1		1			
4	Văn	4			4				1	3		3	1		
5	Công nghệ	1			1				1				1		
6	Lịch sử	2			2				2			2			
7	Địa	1				1			1			1			
8	GD&ĐT	0				0						1			
9	Ngoại Ngữ	2			2				1	1		2			
10	TD	2			2					2		2			
11	Tin	1				1			1			1			
12	Sinh	1		1					1			1			
13	Âm nhạc	1			1				1			1			
14	Mỹ thuật	1				1			1			1			

15	TPT	1			1				1			1			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1			1			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1			1							1			
2	Nhân viên kế toán	1			1							1			
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1					1			
5	Nhân viên thư viện	1					1					1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1							1			
7	Nhân viên bảo vệ, phục vụ	3			1	1	1					3			
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật...														



III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴ (⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025. Tháng 09/2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	11	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học		
8	Bình quân học sinh/lớp	35	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9.937	24
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56.16	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	112	3,2
3	Diện tích thư viện (m ²)	103,68	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	02	
1.1	Khối lớp..6	01 bộ	1

1.2	Khối lớp..7	01 bộ	1
1.3	Khối lớp..8	0	
1.4	Khối lớp..9	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Thiếu khối 8,9	
2.1	Khối lớp.6		
2.2	Khối lớp.7		
2.3	Khối lớp..8	03 bộ	
2.4	Khối lớp..9	03 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1000m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
	42 bộ		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	01
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác.: 04 loa kéo. 02 bộ âm thanh, 01 loa cầm tay		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác.: 04 loa kéo. 02 bộ âm thanh, 01 loa cầm tay		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		07		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	3 pha	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵ (⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, Kỳ I năm học 2024 - 2025 (Chưa có)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶ (⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, KỲ I Năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9

I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	412	102	116	96	98
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	355 86,17	93 91,18	101 87,07	81 84,38	80 81,63
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 12,14	8 7,84	15 12,93	12 12,5	15 15,31
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	7 1,7	1 0,98		3 3,13	3 3,06
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	412	102	116	96	98
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	114 27,67	36 35,29	33 28,45	26 27,08	19 19,39
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	163 39,56	41 40,2	44 37,93	36 37,5	42 42,86
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	118 28,64	22 21,57	38 32,76	29 30,21	29 29,59
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	17 4,13	3 2,94	1 0,86	5 5,21	8 8,16
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối kỳ I năm học 2024-2025	412	102	116	96	98
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Thì lại					

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Các khoản thu năm 2024:

NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC CẤP VÀ CÁC KHOẢN THU SỰ NGHIỆP
Nguồn kinh phí: NSNN cấp:	5,275,379,000
1. Kinh phí giao đầu năm	3,635,259,000
2. Bổ sung nguồn CCTL	1,360,795,000
3. Cấp bù học phí năm học 2023-2024 và học kì I năm học 2024-2025	126,375,000
4. Bổ sung nguồn 15(mua và gia hạn các phần mềm)	11,950,000
5. Tiền thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP	141,000,000
Các khoản thu khác:	1,393,377,000
1. Thu từ nguồn học phí	266,775,000
2. Thu từ nguồn học thêm	1,126,602,000

*Các khoản thu bắt buộc và thỏa thuận từ CMHS năm học 2024 - 2025

- Các khoản thu bắt buộc:

+ Học phí:

Nhà trường thực hiện thu theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024

Khối lớp	Mức thu 1 tháng học trực Tiếp	Mức thu HKI (4 tháng)	Mức thu HKII (5 tháng)	Diện miễn, giảm
6,7,8,9	75.000đ	300.000đ	375.000đ	Theo quy định của nhà nước.

của HĐND thành phố Hà Nội như sau:

+ Thời gian thu: Thu học phí kỳ I tháng 10/2024.

Thu học phí kỳ II tháng 3/2025.

+ **Bảo hiểm Y tế:** Thu hộ theo qui định của BHXH; Mức thu 884.520đ/12 tháng

	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
7	Chuyển trường đến	5	3	2	0	0
8	Chuyển trường đi	3	0	3	0	0
9	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
10	Bỏ học (qua kỳ I) (tỷ lệ so với tổng số)	3	0	0	2	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia					
4	Quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nữ/số học sinh nam	194/218	42/60	56/60	49/47	4751
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	1	0	1	1

Căn cứ pháp lý: CV số 416/BHXXH -TST của BHXXH huyện Phú Xuyên ban hành ngày 27/8/2024 về việc hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024 – 2025

+Mức thu: 884.520đ/ 12 tháng (Số tiền đóng = Mức lương CS x 4,5% x 12 tháng x 70%

+ Thời gian thu: Tháng 10/2024.

Trường hợp học sinh là con hộ nghèo, con bộ đội, công an,... đã được cấp thẻ BHYT, phải nộp bản photo thẻ BHYT để nhà trường tổng hợp báo cáo BHXXH thành phố.

- **Khoản thu theo thỏa thuận:** (Đã được thông qua, nhất trí trong Hội nghị Ban đại diện CMHS nhà trường ngày 23/8/2024 và Hội nghị CMHS các lớp ngày 24/8/2024)

+ **Nước uống:** 11.000 đồng /1 học sinh /1 tháng. Một năm thu 10 tháng.

+ **Học thêm:** (HS tự nguyện đăng ký, không bắt buộc), Nhà trường và CMHS đã thỏa thuận với mức thu dạy thêm học thêm theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND TP Hà Nội; Công văn số 186/UBND ban hành ngày 16 /9/2024 của UBND huyện Phú Xuyên như sau:

Mức thu: Khối 6,7,8,9 thu 10.000đ/1 tiết, học đến đâu thu đến đó, thu theo tháng thực tế học

+ Nhà trường miễn, giảm lệ phí học thêm cho tất cả học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn, diện gia đình chính sách, con hộ nghèo, con hộ cận nghèo.

* **Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:** (Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021). CMHS nộp cho GVCN giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo, diện con chính sách...

2.. Các khoản chi:

a. Chi từ NSNN cấp: từ T1/2024 đến T12/2024

NỘI DUNG CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
1. Tiền lương	2,278,909,516	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	336,945,700	
3. Phụ cấp lương	1,127,409,140	

4. Các khoản đóng góp	726,564,300	
5. Thanh toán dịch vụ công cộng	60,139,430	
6. Vật tư văn phòng phẩm	47,063,294	
7. Công tác phí	30,300,000	
8. Chi phí thuê mướn	53,095,400	
9. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	10,183,000	
10. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	22,420,000	
11. Mua sắm tài sản vô hình	24,168,100	
12. Chi khác	141,460,120	
13. Phúc lợi tập thể (quỹ phúc lợi, quỹ tăng thu nhập, quỹ khen thưởng)	105,620,000	
14. Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		158,151,000

b. Chi từ nguồn thu được để lại:

NỘI DUNG CHI	HỌC PHÍ	HỌC THÊM	ÔN VÀO LỚP 10
1. Tổng số thu:	266,775,000	1,049,652,000	76,950,000
2. Chi từ nguồn thu được để lại:			
a. Chi chuyên môn và quản lý	171,747,700	903,624,400	66,946,500
b. Chi mua sắm và sửa chữa	62,481,997	91,202,374	
c. Tiền phí và lệ phí		75,900	105,600
d. Chi phí khác		27,000,000	
e. Chi phí thuế TNDN	6,671,353	11,500,000	

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

NỘI DUNG	SỐ HỌC SINH	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1. Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	1	300,000	4 tháng
2. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	1	600,000	4 tháng

4. Số dư quỹ và tiền gửi tại kho bạc tính đến ngày 31/12/2024

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Tài khoản 3713	Đồng	3,659,417	
2	Tài khoản 3714(nguồn thu học thêm)	Đồng	28,572,787	
3	Tài khoản 3716 (nguồn thu học phí)	Đồng	44,933,600	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

⁽⁸⁾ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Trương Tú Phương

UBND HUYỆN PHÚ HUYỀN

TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

Số: 13/QĐ-THCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách và các nguồn khác năm 2024 của trường THCS Phú Yên

Căn cứ vào nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Thanh tra nhân dân trường THCS Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách và các nguồn khác năm 2024 của trường THCS Phú Yên (Theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban giám hiệu nhà trường, thư ký hội đồng, bộ phận tài vụ và cán bộ viên chức, nhân viên liên quan thuộc trường THCS Phú Yên thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng tài chính huyện Phú Xuyên;
- Phòng GD&ĐT huyện Phú Xuyên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trương Tú Phương

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/ BB-THCS

Phú Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2025

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách và các nguồn khác năm 2024 của trường THCS Phú Yên

Vào hồi 17h giờ 00 phút ngày 23/01/2025 Tại trường THCS Phú Yên, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

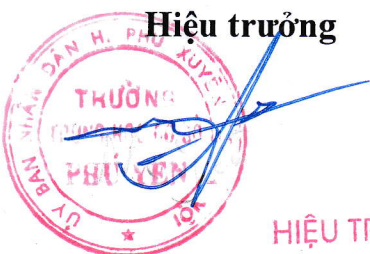
Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. Bà Trương Tú Phương | Hiệu trưởng |
| 2. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa | Chủ tịch công đoàn |
| 3. Bà Nguyễn Thị Yên | Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 4. Ông Nguyễn Hữu Tuấn | Thư ký HĐ |
| 5. Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán viên |
| 6. Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Thủ Quỹ |

Đã tiến hành việc niêm yết công khai giám sát số quyết toán thu -chi ngân sách và các nguồn khác năm 2024 của trường THCS Phú Yên. Theo biểu số và biểu số 03 và 04 ngày 23/01/2025.

Thời gian niêm yết: từ ngày 23/01/2025 đến hết ngày 23/05/2025.

Biên bản được lập vào hồi 17h 45 phút cùng ngày và được thống nhất thông qua.



Hiệu trưởng

HIỆU TRƯỞNG
Trương Tú Phương

Đại diện thanh tra nhân dân

Nguyễn Thị Yên

Người lập

(Thư ký hội đồng)

Nguyễn Hữu Tuấn



Chủ tịch công đoàn

Nguyễn Thị Mai Hoa

(Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Trường THCS Phú Yên

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số:13/QĐ-THCS ngày 23 tháng 01 năm 2025)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Thu sự nghiệp khác				
	Thu tiền học phí	347.000.000	266.775.000	77%	116%
	Thu tiền học thêm	1.126.602.000	1.126.602.000	100%	105%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục THCS				
2.2	Chi quản lý hành chính				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.723.000.000	5.292.530.000	142%	133%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.723.000.000	5.122.429.000	138%	137%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	170.101.000		78%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
12	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
13	Chi Chương trình mục tiêu				

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Trương Tú Phương

(Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Theo Quyết định số 13/QĐ - THCS của Trường THCS Phú Yên ngày 23 tháng 01 năm 2025)

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa công cụ, dịch vụ đã sử dụng	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	4.419.231.248	1.520.052.000	-	-	-
A	Tổng số thu	1.520.052.000	1.520.052.000			
1	Số thu phí, lệ phí					
2	Thu sự nghiệp khác	1.520.052.000	1.520.052.000			
2.1	Học Phí	393.450.000	393.450.000			
2.2	Học thêm	1.126.602.000	1.126.602.000			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	2.899.179.248				
1	Chi từ nguồn thu	1.449.589.624	1.449.589.624	1.176.018.600	153.684.371	
1.1	Chi lương 40% lương từ HP và chi công dạy, quản lý từ học thêm	1.137.018.600	1.137.018.600	1.137.018.600		
	Chi Chuyên môn và quản lý	62.883.800		62.883.800		
1.2	Mua sắm và sửa chữa	153.684.371	153.684.371		153.684.371	
1.3	Tiền công khác	39.000.000	39.000.000	39.000.000		
1.4	Tiền các phí và lệ phí	181.500	181.500			
1,6	Chi cấp bù học phí cho học sinh và cho diện chính sách	38.650.000	39.250.000			
1.5	Chi khác	18.171.353	18.171.353			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.307.379.000	5.307.379.000	5.307.379.000		
1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	5.134.379.000	5.134.379.000	5.134.379.000		
1.1	Giáo dục trung học cơ sở	5.122.429.000	5.122.429.000	4.438.909.456	388.829.344	105.620.000
6001	Lương theo ngạch, bậc	2.278.909.516	2.278.909.516	2.278.909.516		
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	336.945.700	336.945.700	336.945.700		
6101	Phụ cấp chức vụ	14.904.000	14.904.000	14.904.000		
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	38.855.700	38.855.700	38.855.700		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	4.968.000	4.968.000	4.968.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	680.076.940	680.076.940	680.076.940		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	21.708.000	21.708.000	21.708.000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	347.031.700	347.031.700	347.031.700		
6149	Phụ cấp khác	19.864.800	19.864.800	19.864.800		
6301	Bảo hiểm xã hội	541.055.600	541.055.600	541.055.600		
6302	Bảo hiểm y tế	92.750.300	92.750.300	92.750.300		

6303	Kinh phí công đoàn	61.838.800	30.919.600	30.919.600		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	30.919.600	30.919.600	30.919.600		
6501	Tiền điện	55.556.958	55.556.958		55.556.958	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	3.927.272	3.927.272		3.927.272	
6502	Tiền nước	655.200	655.200		655.200	
6551	Văn phòng phẩm	9.923.114	9.923.114		9.923.114	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	14.740.990	14.740.990		14.740.990	
6553	Khoản văn phòng phẩm	15.900.000	15.900.000		15.900.000	
6599	Vật tư văn phòng phẩm khác	6.499.190	6.499.190		6.499.190	
6702	Phụ cấp công tác phí	9.300.000	9.300.000		9.300.000	
6704	Khoản công tác phí	21.000.000	21.000.000		21.000.000	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	3.000.000	3.000.000		3.000.000	
6757	Thuê lao động trong nước	42.000.000	42.000.000		42.000.000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	2.500.000	2.500.000		2.500.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác	5.595.400	5.595.400		5.595.400	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	10.183.000	10.183.000		10.183.000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	880.000	880.000		880.000	
7049	Chi khác	21.540.000	21.540.000		21.540.000	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	24.168.100	24.168.100		24.168.100	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	1.313.400	1.313.400		1.313.400	
7766	Cấp bù học phí cho CSGD	126.375.000	126.375.000		126.375.000	
7799	Chi các khoản khác	13.771.720	13.771.720		13.771.720	
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	30.000.000	30.000.000			30.000.000
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	46.400.000	46.400.000			46.400.000
7953	Chi lập quỹ khen thưởng	29.220.000	29.220.000			29.220.000
8006	Chi tinh giản biên chế	158.151.000	158.151.000			
1.2	Kinh phí bổ sung	11.950.000	11.950.000			
	Hỗ trợ cho học sinh diện chính sách	900.000	900.000			
	Thuê đào tạo lại cán bộ	3.000.000	3.000.000			
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	8.050.000	8.050.000			
1.3	Thưởng theo ND: 73/2024/ND-CP	141.000.000	141.000.000			
2	Dự toán giữ lại (Tiết kiệm 5% từ Ngân sách chi hoạt động thường xuyên)	32.000.000	32.000.000			

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trương Tú Phương

(3)

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN

TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

Số : 12/QĐ-THCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán NSNN năm 2025 của trường THCS Phú Yên

Căn cứ vào nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 6666/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Xuyên về việc giao Dự toán NSNN năm 2025.

Xét đề nghị của Thanh tra nhân dân trường THCS Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán NSNN năm 2025 của trường THCS Phú Yên.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban giám hiệu nhà trường, thư ký hội đồng, bộ phận tài vụ và cán bộ viên chức, nhân viên liên quan thuộc trường THCS Phú Yên thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng tài chính huyện Phú Xuyên
- Phòng GD&ĐT huyện Phú Xuyên
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG

Trương Tú Phương

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN
Số: 27/BB-THCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2025

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán NSNN năm 2025
của trường THCS Phú Yên

Vào hồi 17h giờ 00 phút ngày 23/01/2025. Tại trường THCS Phú Yên, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. Bà Trương Tú Phương | Hiệu trưởng |
| 2. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa | Chủ tịch công đoàn |
| 3. Bà Nguyễn Thị Yên | Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 4. Ông Nguyễn Hữu Tuấn | Thư ký HĐ |
| 5. Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán viên |
| 6. Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Thủ Quỹ |

Đã tiến hành việc niêm yết công khai giám sát số liệu số liệu dự toán NSNN năm 2025 của trường THCS Phú Yên ngày 23/01/2025.

Thời gian niêm yết: từ ngày 23/01/2025 đến hết ngày 23/05/2025.

Biên bản được lập vào hồi 17h 45 phút cùng ngày và được thống nhất thông qua.

Hiệu trưởng



HIỆU TRƯỞNG
Trương Tú Phương

Đại diện thanh tra nhân dân

Nguyễn Thị Yên

Người lập

(Thư ký hội đồng)

Nguyễn Hữu Tuấn



Chủ tịch công đoàn

Nguyễn Thị Mai Hoa

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: /DT -THCS-PY

Phú Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2024

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

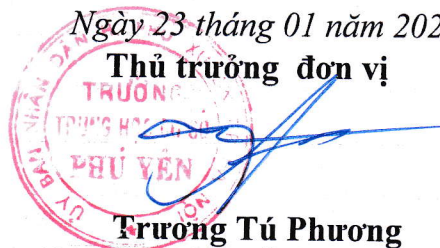
(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ- THCS ngày 23/01/2025)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Thu phí, lệ phí	
	Thu học phí	282
1.2	Thu khác	
	Thu học thêm	296
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.060
1	Nguồn kinh phí tự chủ	4.049
1.1	Lương và các khoản theo lương	3.550
1.2	Chi hoạt động	625
1.3	Trừ tiết kiệm chi hoạt động:	126
	Tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	79
	Tiết kiệm 3% chi hoạt động so với dự toán năm 2024	12
2	Bổ sung nguồn CCTL	2.011
2.1	Nguồn CCTL	1.719
2.2	Tiền thưởng theo NĐ: 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024	292

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trương Tú Phương